

Bản án số: 148/2023/HSST

Ngày 31-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Nguyễn Đình Bàn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2023/HSST ngày 03/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/HSST- QĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/5/1981; nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Phúc; HKTT trú: Công ty Cổ phần nhà máy gạch ĐK, xã ĐV, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang trú tại: Số nhà 81, đường HV, TDP QT, phường HH, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn O (đã chết) và bà Đỗ Thị T; Chồng: Nguyễn Kiên C; con: 04 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2023 đến ngày 29/9/2023 được tại ngoại tại địa P (có mặt).

2. Bị hại: Chị Lê Thị Hảo, sinh năm 1983 và anh Đỗ Văn M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn LT, xã BD, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (đều có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Guộc, xã ĐT, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Trần Văn M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạc 1, xã ĐV, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Anh Lê Thành M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu 12, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 93 đường Hùng Vương, TDP Quán Tiên, phường HH, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn Guộc, xã ĐT, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

4. *Người làm chứng*: Anh Phạm Hồng Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: TDP QT, phường HH, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, HKTT Công ty Cổ phần xây dựng Đoàn Kết, xã ĐV, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện trú tại số nhà 81, đường HV, Tổ dân phố QT, phường HH, thành phố Vĩnh Yên thường xuyên đi bộ thể dục trên đường Trần Doãn Hữu (phía sau nhà L) thì phát hiện bên ngoài vỉa hè trước cửa nhà và trên vỉa hè đối diện nhà chị Lê Thị Hảo, sinh năm 1983, HKTT tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường có để 02 cây Sanh (có một số nơi gọi là cây Si) và 02 cây Vạn tuế có đặc điểm: 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 0,8m, chiều cao 2,07m, tán rộng 1,87m; 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 70cm, chiều cao 1,08m; 01 cây Sanh cao 2,1m, chu vi gốc 0,98m, tán rộng 1,78m; 01 cây Sanh cao 2,8m, chu vi gốc 2,8m, tán rộng 04m. Số cây trên được trồng trong chậu và kê trên đôn. L nhiều lần đi qua nhà chị Hảo thấy nhà đóng cửa, không có ai ở nhà và quản lý, trông giữ số cây cảnh trên nên nảy sinh ý định trộm cắp số cây, chậu và đôn trên để đem về đặt tại phần mộ của gia đình ở thôn Đồng Chung, xã ĐV, huyện Yên Lạc.

Để thực hiện hành vi, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/5/2023, L gặp và nhờ anh Lê Thành M, sinh năm 1978 trú tại khu 12, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương (là bạn bè quen biết ngoài xã hội với L) thuê giúp L 01 xe ô tô có gắn cần cẩu. L nói với M là để cẩu số cây cảnh L trồng ở vỉa hè đường Trần Doãn Hữu không có người chăm sóc đem về quê. Do là bạn bè nên anh M tin tưởng, đồng ý giúp L. Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh M sử dụng số điện thoại 0983.410.764 điện thoại đến số 0973.679.124 của anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1989 trú tại thôn Guộc, xã ĐT, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc để thuê xe cẩu cây ở phường HH, anh A đồng ý. Sau đó, anh M điện thoại cho L nói về việc đã thuê được xe cẩu và hẹn L khoảng 13 giờ thì ra chỉ vị trí cây cho lái xe cẩu cây. Khoảng 12 giờ ngày 07/5/2023, anh A điều khiển xe cẩu BKS: 36H-010.77 cùng với anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1994 là người cùng thôn đi cùng để phụ giúp đi đến đầu đường Trần Đại Nghĩa, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên. Lúc này, anh M một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu CRV màu đỏ, BKS: 88A-588.11 dẫn đường cho xe ô tô do anh A điều khiển đi đến vị trí đặt 04 cây cảnh trên đường Trần Doãn Hữu và yêu cầu anh A cẩu 04 cây này cùng với chậu và đôn lên xe ô tô, lúc nào cẩu xong cây thì liên hệ với anh M để anh M chỉ vị trí đưa cây đến. Sau đó anh M điều khiển xe ô tô BKS: 88A-588.11 đi về nhà ở xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Cùng thời điểm này, L một mình điều khiển xe đạp điện đi từ nhà L ở đường Hùng Vương đến đường Trần Doãn Hữu. Khi L đi gần đến vị trí nhà chị Hảo thì đúng lúc anh M điều khiển xe ô tô đi qua, anh M có nhìn thấy L nhưng giữa 2 người không có sự trao đổi gì với nhau. Sau khi đi đến nhà chị Hảo, L chỉ cho anh A vị trí 04 cây cảnh và yêu cầu anh A cẩu cây, chậu và đôn lên xe ô tô, sau đó L đi về nhà ngủ trưa. Khi anh A đang cẩu cây, thì có anh Phạm Hồng Trường, sinh năm 1973 trú tại Tổ dân phố Quán Tiên, phường HH là hàng xóm nhà chị Hảo đi về nhà. Thấy có người cẩu cây nhà chị Hảo nên anh Trường đến hỏi thì anh A nói: “Em đi cẩu cây

thuê”. Nghi ngờ cây nhà chị Hảo bị trộm cắp nên anh Trường gọi điện thoại cho anh Đỗ Văn Thọ, sinh năm 1981 trú tại Tổ dân phố Quán Tiên, phường HH (là hàng xóm và cháu họ của anh Đỗ Văn Mộ, sinh năm 1981 trú tại thôn Lạc Trung, xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, anh Mộ là chồng chị Hảo), để anh Thọ liên hệ với chị Hảo.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/5/2023, sau khi cầu cây xong, anh A liên hệ với anh M để hỏi địa chỉ chở cây đến. Anh M gọi điện cho L để hỏi địa chỉ nhưng L không nghe điện thoại, do vậy, anh M yêu cầu anh A chở cây về để tại bãi đất trống trước cửa nhà anh M ở xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Sau khi chở cây về theo địa chỉ anh M nói, anh M đã trả tiền công cho anh A số tiền 800.000đ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L liên lạc với anh M thì được biết, số cây, chậu và đôn trên đã được anh A chở về để tại bãi đất trống trước cửa nhà anh M ở xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Anh M yêu cầu L đến thuê xe cầu chở cây đi. Do không có xe đi lại nên L đã sang nhà chị Trần Thị H, sinh năm 1970 trú tại số nhà 93 đường Hùng Vương, phường HH, thành phố Vĩnh Yên là hàng xóm để mượn xe ô tô và rủ chị H đi cùng đến nhà anh M ở xã Thanh Vân, huyện Tam Dương. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe ô tô BKS: 88A-324.68 của chị H, chở chị H đi đến nhà anh M. Trên đường đi, L mượn điện thoại của chị H (L nói với chị H là điện thoại của L hết pin) gọi điện thoại cho anh Trần Văn M, sinh năm 1991, trú tại thôn Đồng Lạc 1, xã ĐV, huyện Yên Lạc để thuê chở cây từ nhà anh M về nhà của L ở thôn Lạc Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương. Khoảng 17 giờ cùng ngày, anh M điều khiển xe ô tô có gắn cần cẩu BKS: 34C-127.38 đến chở cây theo thỏa thuận. Khi đến nơi, anh M nhận ra L, có chồng tên là Cường là người cùng làng với anh M. Anh M đồng ý chở cây và báo giá vận chuyển là 1.500.000đ, L đồng ý và đã thanh toán toàn bộ số tiền cho anh M. Sau khi anh M chở cây về nhà L ở xã Hợp Thịnh thì L tiếp tục yêu cầu anh M chở cây về khu mộ của bố L ở thôn Đồng Chung, xã ĐV, huyện Yên Lạc. Do trời đã tối nên anh M gọi điện cho L sẽ chở cây về nhà anh M và hẹn ngày 08/5/2023 sẽ hạ cây xuống khu mộ của nhà L.

Sau khi phát hiện bị kẻ gian trộm cắp tài sản nêu trên, chị Hảo đã đến Công an phường HH, thành phố Vĩnh Yên trình báo. Quá trình xác M, Công an phường HH triệu tập Nguyễn Thị L lên làm việc. Tại Cơ quan Công an, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, đồng thời gọi điện thoại cho anh M yêu cầu chở số cây, chậu và đôn đã trộm cắp đến Công an phường HH để làm việc.

Tại Cơ quan Công an, anh Trần Văn M tự nguyện giao nộp số cây, chậu và đôn, có đặc điểm như sau:

- + 01 chậu cây có chiều dài 1,43m, chiều rộng 01m, chiều cao 17cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,1m, chu vi gốc 0,98m, tán rộng 1,78m.

- + 01 chậu cây có chiều dài 1,45m, chiều rộng 1,36m, chiều cao 21cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,8m, chu vi gốc 2,8m, tán rộng 04m.

- + 01 chậu cây có đường kính 93cm, cao 35cm, đường kính đáy 45cm làm bằng xi măng.

- + 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 0,8m, chiều cao 2,07m, tán rộng 1,87m.

- + 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 70cm, chiều cao 1,08m.

- + 01 đôn làm bằng xi măng, mặt hình chữ nhật có chiều dài 72cm, chiều rộng 46cm, chiều cao 57cm.

+ 02 đôn làm bằng xi măng, có mặt hình vuông, chiều dài 01 cạnh là 36cm, chiều cao 60cm.

Tại Kết luận số 67 ngày 23/5/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận trị giá số tài sản trên là 15.834.000đ.

Tại Cáo trạng số: 133/CT-VKS ngày 29/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Thị L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hiện đang kinh doanh tại số nhà 81, đường Hùng Vương, phường HH, thành phố Vĩnh Yên, có nghề nghiệp ổn định và thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Nguyễn Thị L đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ là số tiền bồi thường khắc phục hậu quả thay chậu cây, chăm sóc phục hồi cây và tiền thuê vận chuyển cây, bị hại chị Lê Thị Hảo và anh Đỗ Văn Mộ nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Trả lại anh Nguyễn Văn A số tiền 800.000đ là số tiền do anh Nguyễn Văn A tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra là số tiền công L trả tiền thuê xe cho A và trả anh Trần Văn M số tiền 1.500.000đ là số tiền do anh Trần Văn M tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra là số tiền công L trả cho M thuê xe trở cây cho L không liên quan đến việc phạm tội.

Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả cho chị Lê Thị Hảo và anh Đỗ Văn Mộ.

+ 01 chậu cây có chiều dài 1,43m, chiều rộng 01m, chiều cao 17cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,1m, chu vi gốc 0,98m, tán rộng 1,78m.

+ 01 chậu cây có chiều dài 1,45m, chiều rộng 1,36m, chiều cao 21cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,8m, chu vi gốc 2,8m, tán rộng 04m.

+ 01 chậu cây có đường kính 93cm, cao 35cm, đường kính đáy 45cm làm bằng xi măng.

+ 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 0,8m, chiều cao 2,07m, tán rộng 1,87m.

+ 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 70cm, chiều cao 1,08m.

+ 01 đôn làm bằng xi măng, mặt hình chữ nhật có chiều dài 72cm, chiều rộng 46cm, chiều cao 57cm.

+ 02 đôn làm bằng xi măng, có mặt hình vuông, chiều dài 01 cạnh là 36cm, chiều cao 60cm.

Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả lại 01 xe ô tô BKS: 36H-010.77 cho anh Nguyễn Văn A là tài sản hợp pháp của anh A không liên quan đến hành vi phạm tội của L; 01 xe ô tô BKS: 34C-127.38 cho anh Trần Văn M là tài sản hợp pháp của anh M không liên quan đến hành vi phạm tội của L.

Người bị hại chị Lê Thị Hảo và anh Đỗ Văn Mộ trình bày: Anh chị xác nhận lời khai của Nguyễn Thị L đã trình bày là đúng, chị Hảo, anh Mộ đã nhận lại tài sản do L trộm cắp nhưng anh chị phải thay chậu cây, chăm sóc phục hồi cây và tiền thuê vận chuyển cây nên anh chị yêu cầu L phải bồi thường cho anh chị, trước khi toà án đưa ra xét xử L đã tự nguyện bồi thường cho anh chị số tiền là 10.000.000đ. Nay anh chị không có yêu cầu gì khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn A, anh Lê Thành M, chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên toà, anh Trần Văn M (có mặt tại phiên toà) tại biên bản lấy lời khai, tại cơ quan điều tra, tại phiên toà đã trình bày như nội dung bị cáo đã trình bày tại phiên toà.

Người làm chứng anh Phạm Hồng Trường vắng mặt tại phiên toà, tại biên bản lấy lời khai tại cơ quan điều tra anh trình bày như bị cáo đã trình bày tại phiên toà.

Bị cáo Nguyễn Thị L không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị L tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với vật chứng, với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do thường xuyên đi thể dục qua nhà chị Lê Thị Hảo trên đường Trần Doãn Hữu, phường HH, thành phố Vĩnh Yên, quan sát thấy nhà chị Hảo thường xuyên không có người ở nhà, trên vỉa hè trước và đối diện nhà chị Hảo có để 02 cây Sanh và 02 cây Vạn tuế được trồng trong chậu, kê trên đôn không có người quản lý, trông coi. Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chị Hảo, khoảng 13 giờ ngày 07/5/2023, Nguyễn Thị L đã thuê xe ô tô có gắn cần cẩu của anh Nguyễn Văn A và Trần Văn M, đến nhà chị Hảo chở số cây, chậu và đôn trên mục đích để đem về trồng tại khu mộ của gia đình L ở xã ĐV, huyện Yên Lạc. Trị giá tài sản bị trộm cắp theo Kết luận định giá là 15.834.000đ.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm M mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa P nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát là đủ tác dụng để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tại phiên tòa xác định bị cáo hiện đang kinh doanh tại số nhà 81, đường Hùng Vương, phường HH, thành phố Vĩnh Yên, có nghề nghiệp ổn định và thu nhập nên phạt bị cáo 10.000.000đ để xung công quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ để khắc phục hậu quả cho bị hại thay chậu cây, chăm sóc phục hồi cây và tiền thuê vận chuyển cây, người bị hại đã nhận tiền bồi thường không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả cho anh Lê Thị Hảo và anh Đỗ Văn Mộ.

+ 01 chậu cây có chiều dài 1,43m, chiều rộng 01m, chiều cao 17cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,1m, chu vi gốc 0,98m, tán rộng 1,78m.

+ 01 chậu cây có chiều dài 1,45m, chiều rộng 1,36m, chiều cao 21cm làm bằng xi măng, trồng trong chậu là 01 cây Sanh cao 2,8m, chu vi gốc 2,8m, tán rộng 04m.

+ 01 chậu cây có đường kính 93cm, cao 35cm, đường kính đáy 45cm làm bằng xi măng.

- + 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 0,8m, chiều cao 2,07m, tán rộng 1,87m.
- + 01 cây Vạn tuế có chu vi gốc 70cm, chiều cao 1,08m.
- + 01 đôn làm bằng xi măng, mặt hình chữ nhật có chiều dài 72cm, chiều rộng 46cm, chiều cao 57cm.
- + 02 đôn làm bằng xi măng, có mặt hình vuông, chiều dài 01 cạnh là 36cm, chiều cao 60cm.

Xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả lại 01 xe ô tô BKS: 36H-010.77 cho anh Nguyễn Văn A là tài sản hợp pháp của anh A không liên quan đến hành vi phạm tội của L; 01 xe ô tô BKS: 34C-127.38 cho anh Trần Văn M là tài sản hợp pháp của anh M không liên quan đến hành vi phạm tội của L.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn A số tiền 800.000đ là số tiền công L trả tiền thuê xe cho A và trả anh Trần Văn M số tiền 1.500.000đ là số tiền công L trả cho M thuê xe trở cây cho L không liên quan đến việc phạm tội.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) phạt bị cáo Nguyễn Thị L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) xung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Trả lại anh Nguyễn Văn A số tiền 800.000đ; Trả lại anh Trần Văn M số tiền 1.500.000đ.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án thành phố Vĩnh Yên).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Bình Phùng Đình Bàn

Đào Văn Tiến

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Công an TP Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án TP Vĩnh Yên
- Thi hành án Hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường HH, tp Vĩnh Yên;
- L hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thọ Nguyễn Thị Thuý Nga

Đào Văn Tiến

